

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/CV-PSD
V/v: CBTT BCTC hợp nhất Quý IV năm 2024

TP.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Dịch Vụ Phân Phối Tổng Hợp Dầu Khí
2. Mã chứng khoán: PSD
3. Địa chỉ trụ sở chính: P.207, Tòa nhà PetroVietnam, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
4. Điện thoại: 028.39115578 Fax: 028.39115579
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông PHAN HẢI ÂU
6. Nội dung của thông tin công bố
 - Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2024 của CTCP Dịch Vụ Phân Phối Tổng Hợp Dầu Khí lập ngày 18/01/2025 bao gồm BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - Công văn giải trình báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý IV năm 2024.
 - Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.psd.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Dịch Vụ Phân Phối Tổng Hợp Dầu Khí thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý IV năm 2024. với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

- Mã chứng khoán: PSD
- Địa chỉ: P.207, Tòa nhà PetroVietnam, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028.39115578 Fax: 028.39115579
- Email:..... Website: psd.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý IV năm 2024

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán Quý I V năm 2024):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán Quý IV năm 2024):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 18/01/2025 tại đường dẫn: psd.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC.....
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHAN HẢI ÂU



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Địa chỉ: P. 207, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Mã số thuế: 0305482862

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2024

Tháng 01 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		2,729,454,671,580	3,036,692,486,016
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	104,184,219,922	63,407,925,797
1. Tiền	111		104,184,219,922	63,407,925,797
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,271,400,000,000	929,500,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1,271,400,000,000	929,500,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		756,271,793,038	1,032,045,728,992
1. Phải thu khách hàng	131		857,248,330,299	1,085,425,837,331
2. Trả trước cho người bán	132		2,894,052,076	930,533,340
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136		58,045,042,195	107,217,989,853
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(161,915,631,532)	(161,528,631,532)
IV. Hàng tồn kho	140	6	496,988,144,256	863,772,914,945
1. Hàng tồn kho	141		506,545,960,695	873,479,890,993
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9,557,816,439)	(9,706,976,048)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		100,610,514,364	147,965,916,282
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,360,489,797	786,568,453
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		99,150,024,567	147,079,347,829
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	9	100,000,000	100,000,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		73,004,656,662	80,206,175,809
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8,022,124,590	1,398,379,590
1. Phải thu dài hạn khác	216		8,022,124,590	1,398,379,590
II. Tài sản cố định	220		64,982,532,072	73,070,296,219
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	7,310,136,960	13,348,599,587
- Nguyên giá	222		20,806,167,830	26,538,571,122
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13,496,030,870)	(13,189,971,535)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	57,672,395,112	59,721,696,632
- Nguyên giá	228		64,793,063,419	64,793,063,419
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7,120,668,307)	(5,071,366,787)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư tài chính dài hạn khác	253		1,350,000,000	1,350,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	254		(1,350,000,000)	(1,350,000,000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	5,737,500,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Lợi thế thương mại	269		-	5,737,500,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,802,459,328,242	3,116,898,661,825



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A.	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2,226,770,956,019	2,569,618,264,855
I.	Nợ ngắn hạn	310		2,224,486,743,819	2,567,083,530,217
	1. Phải trả người bán	311		389,060,193,294	798,741,025,607
	2. Người mua trả tiền trước	312		17,898,886,089	4,428,031,196
	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	5,632,906,885	7,603,921,411
	4. Phải trả người lao động	314		22,875,652,124	21,608,396,503
	5. Chi phí phải trả	315	10	6,203,837,066	5,814,687,641
	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	229,769,342,843	187,969,705,869
	7. Vay và nợ ngắn hạn	320	12	1,537,823,253,064	1,527,204,262,514
	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15,222,672,454	13,713,499,476
II.	Nợ dài hạn	330		2,284,212,200	2,534,734,638
	1. Phải trả dài hạn khác	337		707,018,269	607,018,269
	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1,577,193,931	1,927,716,369
B.	NGUỒN VỐN (400=410)	400		575,688,372,223	547,280,396,970
I.	Vốn chủ sở hữu	410	13	575,688,372,223	547,280,396,970
	1. Vốn điều lệ	411		518,278,940,000	518,278,940,000
	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57,397,831,148	28,950,899,627
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28,950,899,627	9,592,270,498
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28,446,931,521	19,358,629,129
	3. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		11,601,075	50,557,343
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		2,802,459,328,242	3,116,898,661,825

Nguyễn Văn Nghĩa
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 01 năm 2025

Phan Hải Âu
Kế toán trưởng



Vũ Tiến Dương
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1,386,345,164,189	1,754,715,453,241	5,924,644,641,605	6,937,893,866,931
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		48,230,764,588	43,043,361,768	197,235,243,160	173,453,609,008
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,338,114,399,601	1,711,672,091,473	5,727,409,398,445	6,764,440,257,923
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		1,234,265,684,187	1,641,534,919,809	5,406,535,187,198	6,469,859,681,200
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103,848,715,414	70,137,171,664	320,874,211,247	294,580,576,723
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	22,637,159,791	28,807,172,062	81,916,008,156	109,900,241,914
7. Chi phí tài chính	22	15	19,570,616,923	16,546,331,595	59,099,259,515	119,017,348,241
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13,647,647,627	14,227,100,393	48,579,091,123	114,268,665,118
8. Chi phí bán hàng	24		68,898,168,814	51,453,439,716	190,752,698,655	171,522,546,037
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18,259,773,860	2,964,853,711	55,195,119,467	35,042,106,995
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19,757,315,608	27,979,718,704	97,743,141,766	78,898,817,364
11. Thu nhập khác	31		5,510,909,426	2,095,114,877	9,901,752,495	4,584,686,899
12. Chi phí khác	32		3,234,545,975	143,038,750	3,370,111,256	280,593,977
13. Lợi nhuận khác	40		2,276,363,451	1,952,076,127	6,531,641,239	4,304,092,922
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22,033,679,059	29,931,794,831	104,274,783,005	83,202,910,286
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	4,829,553,418	6,175,838,445	22,595,663,212	17,953,082,394
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(333,720,980)	727,716,369	(350,522,438)	1,927,716,369
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17,537,846,621	23,028,240,017	82,029,642,231	63,322,111,523
Phân bổ cho:						
Lợi ích của cổ đông của Công ty	61		17,538,349,301	22,810,250,482	82,068,598,499	62,198,280,343
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62		(502,680)	217,989,535	(38,956,268)	1,123,831,180
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	17	304	449	1,549	1,196
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		304	449	1,549	1,196

Nguyễn Văn Nghĩa
Người lập biểu

Ngày 18 tháng 01 năm 2025

Phan Hải Âu
Kế toán trưởng



Vũ Tiến Dương
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	104,274,783,005	83,202,910,286
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	10,658,496,791	6,612,895,142
Các khoản dự phòng	03	237,840,391	(3,153,555,502)
Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	588,821,190	(157,243,463)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(56,838,757,459)	(85,383,963,433)
Chi phí lãi vay	06	48,579,091,123	114,268,665,118
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	107,500,275,041	115,389,708,148
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	316,692,514,216	97,155,810,514
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	366,933,930,298	568,230,886,004
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(356,156,873,305)	(274,515,824,002)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(573,921,344)	2,934,567,868
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	3,610,867,269
Tiền lãi vay đã trả	14	(48,363,983,378)	(112,510,036,913)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23,941,948,239)	(15,091,148,342)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(284,600,000)	(279,993,168)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	361,805,393,289	384,924,837,378
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1,896,940,222)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	200,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2,025,500,000,000)	(1,908,700,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1,683,600,000,000	1,577,529,000,000
5. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	51,463,960,013	48,159,293,815
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(290,236,039,987)	(284,908,646,407)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	15,750,000,000
2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4,405,209,446,519	5,036,737,610,925
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4,394,590,455,969)	(5,129,445,204,372)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(41,459,854,400)	(31,907,957,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30,840,863,850)	(108,865,551,047)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	40,728,489,452	(8,849,360,076)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	63,407,925,797	72,261,768,252
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	47,804,673	(4,482,379)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	104,184,219,922	63,407,925,797

Nguyễn Văn Nghĩa
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 01 năm 2025Phan Hải Âu
Kế toán trưởngVũ Tiến Dương
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (“Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí – được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305482862 ngày 4 tháng 2 năm 2008.

Theo Nghị quyết số 28/NQ-DVTHDK ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Petrosetco”), Công ty mẹ của Công ty, về phương án tái cấu trúc tổng thể Petrosetco, Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được chuyển đổi thành công ty cổ phần. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 6 số 0305482862 ngày 7 tháng 11 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh tiếp theo do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu là “PSD”.

Hoạt động chính của Công ty là mua bán thiết bị viễn thông; bán buôn máy vi tính, thiết bị; bán buôn sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi, sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; các hoạt động dịch vụ hỗ trợ gồm dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ logistic.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC (Thông tư 200) hướng dẫn về Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho mọi loại hình doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực. Thông tư 200 có hiệu lực từ ngày 5 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 trở đi và thay thế Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Giám đốc đánh giá là hợp lý.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con là các doanh nghiệp mà Nhóm công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Nhóm công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Nhóm công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Nhóm công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty với nhau được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của các công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Nhóm công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Nhóm công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Nhóm công ty. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm tài chính.

Nhóm công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Nhóm công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm.

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của tài sản cố định ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	20%/năm
Phương tiện vận tải	16.67%/năm
Thiết bị quản lý	20 - 33%/năm
Phần mềm	20%/năm

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính hiện hành. thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản mục này. Thuế thu nhập doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

ngiệp hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

31/12/2024	01/01/2024
VND	VND
659,821,595	506,515,595
103,524,398,327	62,901,410,202
104,184,219,922	63,407,925,797

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	68,786,769,717	61,448,567,918
Hàng hóa	437,180,324,842	811,780,413,116
Hàng gửi đi bán	578,866,136	250,909,959
	506,545,960,695	873,479,890,993
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9,557,816,439)	(9,706,976,048)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HHTK	496,988,144,256	863,772,914,945

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2024	14,776,699,210	6,764,302,146	4,997,569,766	26,538,571,122
Mua trong năm	-	-	-	-
Thanh lý trong năm	(5,109,460,954)	(622,942,338)	-	(5,732,403,292)
Tại ngày 31/12/2024	9,667,238,256	6,141,359,808	4,997,569,766	20,806,167,830
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2024	7,089,208,276	5,601,006,283	499,756,976	13,189,971,535
Khấu hao trong năm	1,742,365,316	879,451,467	249,878,488	2,871,695,271
Thanh lý trong năm	(1,979,602,674)	(586,033,262)	-	(2,565,635,936)
Tại ngày 31/12/2024	6,851,970,918	5,894,424,488	749,635,464	13,496,030,870
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	7,687,490,934	1,163,295,863	4,497,812,790	13,348,599,587
Tại ngày 31/12/2024	2,815,267,338	246,935,320	4,247,934,302	7,310,136,960

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phân mềm	Quyền sử dụng tài sản	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	1,330,844,256	63,462,219,163	64,793,063,419
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	1,330,844,256	63,462,219,163	64,793,063,419
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2024	1,104,978,089	3,966,388,698	5,071,366,787
Khấu hao trong năm	66,107,172	1,983,194,348	2,049,301,520
Tại ngày 31/12/2024	1,171,085,261	5,949,583,046	7,120,668,307
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2024	225,866,167	59,495,830,465	59,721,696,632
Tại ngày 31/12/2024	159,758,995	57,512,636,117	57,672,395,112

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN (PHẢI THU) / PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Thuế GTGT	(99,150,024,567)	(147,079,347,829)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(100,000,000)	(100,000,000)
	(99,250,024,567)	(147,179,347,829)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,829,553,418	6,175,838,445
Thuế thu nhập cá nhân	803,353,467	1,354,878,693
Thuế GTGT	-	73,204,273
	5,632,906,885	7,603,921,411

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí phải trả lãi vay	1,193,466,505	978,358,760
Chi phí phải trả khác	5,010,370,561	4,836,328,881
	6,203,837,066	5,814,687,641

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cổ tức	52,085,287,748	41,717,248,148
Các khoản phải trả khác	177,684,055,095	146,252,457,721
	229,769,342,843	187,969,705,869

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam	268,081,832,418	197,897,867,804
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	353,381,029,873	199,576,209,317
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	413,175,935,245	446,671,808,150
Ngân Hàng TMCP XNK Việt Nam	-	183,723,853,902
Ngân hàng TMCP Quân Đội	27,741,262,640	-
Ngân hàng Đại chúng TNHH KASIKORNBANK	66,054,856,813	-
Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Việt Nam	409,388,336,075	499,334,523,341
	1,537,823,253,064	1,527,204,262,514

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2023	398,874,090,000	113,247,120,498	(1,073,273,837)	511,047,936,661
Lợi nhuận trong năm	-	62,198,280,343	1,123,831,180	63,322,111,523
Phát hành cổ phiếu ESOP	15,750,000,000	-	-	15,750,000,000
Trích lập các quỹ	-	(1,377,336,014)	-	(1,377,336,014)
Chia cổ tức	103,654,850,000	(145,117,165,200)	-	(41,462,315,200)
Số dư tại ngày 01/01/2024	518,278,940,000	28,950,899,627	50,557,343	547,280,396,970
Lợi nhuận trong năm	-	82,068,598,499	(38,956,268)	82,029,642,231
Trích lập các quỹ	-	(1,793,772,978)	-	(1,793,772,978)
Chia cổ tức	-	(51,827,894,000)	-	(51,827,894,000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	518,278,940,000	57,397,831,148	11,601,075	575,688,372,223

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	56,691,617,765	85,383,963,433
Lãi chênh lệch tỷ giá	19,440,589,982	16,644,674,432
Hoạt động tài chính khác	5,783,800,409	7,871,604,049
	81,916,008,156	109,900,241,914

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	48,579,091,123	81,157,109,440
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9,378,584,319	4,000,848,523
Hoạt động tài chính khác	1,141,584,073	33,859,390,278
	59,099,259,515	119,017,348,241

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	104,274,783,005	83,202,910,286
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	519,416,909	(12,690,075,730)
Chi phí không được khấu trừ	8,813,736,395	5,549,966,210
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận thu nhập thuế hoãn lại	(629,620,249)	13,702,611,205
Thu nhập chịu thuế	112,978,316,060	89,765,411,971
Chi phí thuế TNDN hiện hành	22,595,663,212	17,953,082,394
Thuế TNDN hoãn lại	(350,522,438)	1,927,716,369

17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế TNDN và trích lập quỹ (VND)	80,274,825,521	60,820,944,329
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	51,827,894	50,861,319
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1,549	1,196

18. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được Ban giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 18 tháng 01 năm 2025.

Nguyễn Văn Nghĩa
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 01 năm 2025

Phan Hải Âu
Kế toán trưởng

Vũ Tiến Dương
Giám đốc

